TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Doãn Đức
2. Ông Trần Công Danh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa****:* Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2479/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1981
- *Bị đơn:* Ông Lương Đình K, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: 106C, tổ 34B, khu phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Đ;

(Bà D có đơn xin vắng mặt; ông K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được do đó đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lương Đình H, sinh ngày 01/8/2008, cháu Lương Hoàng G, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Lương Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2012. Sau khi ly hôn, bà D đồng ý để ông Kh trực nuôi dưỡng cả 3 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lương Đình Kh tại các buổi làm việc, hòa giả trình bày:

Ông và bà D tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gay gắt và sống ly thân khoảng 1 năm nay. Tuy nhiên, do muốn hàn gắn gia đình và còn tình cảm với vợ do đó ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lương Đình H, sinh ngày 01/8/2008, cháu Lương Hoàng G, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Lương Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông K đề nghị được trực nuôi dưỡng cả 3 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu được ly hôn với ông Lương Đình K là có cơ sở chấp nhận vì cả bà D và ông K đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân khoảng 1 năm nay. Tuy ông K không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm, bà D cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Bà D và ông Kh đều có nguyện vọng nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên, xem xét đến nguyện vọng các cháu đều muốn ở với mẹ nên giao các cháu Lương Đình H, sinh ngày 01/8/2008, cháu Lương Hoàng G, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Lương Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2012 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.Tạm thời, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Đình K căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị Thùy D là nguyên đơn, ông Lương Đình K là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn ông Lương Đình K đăng ký thường trú tại phường N, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lương Đình K đã được Tòa án tiến hành tống

đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông K.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Lương Đình K tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 2006. Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà D xác định không còn tình cảm với ông K, do hai vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn, hay cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Bà D và ông K thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đã sống ly thân một năm nay. Mặc dù ông K không đồng ý ly hôn tuy nhiên xét mâu thuẫn vợ chồng ông bà trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông K có 03 con chung là Lương Đình H, sinh ngày 01/8/2008, cháu Lương Hoàng G, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Lương Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2012. Tại đơn khởi kiện và buổi hòa giải bà D và ông K đều có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, ngày 06/01/2021, bà D thay đổi yêu cầu, đồng ý để ông K trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, bà D không cấp dưỡng nuôi con (BL 33). Do vậy, giao 03 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đối với bị đơn ông Lương Đình K về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1981 được ly hôn với ông Lương Đình K, sinh năm 1981.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Lương Đình H, sinh ngày 01/8/2008, cháu Lương Hoàng G, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Lương Quốc Kh, sinh ngày 19/5/2012cho ông Lương Đình K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, bà Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản bà D thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà D đã nộp theo biên lai thu số 0007381 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Lương Đình K được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hải Thị Liễu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA